

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/06/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RCDM+RC4+RC5	7:25	8+7+7	0+0+0		2+8+12	0+0+0	
2		TD3+TD1	7:25	6+16	0+0		2+20	0+0	chuyen 1 td3-td1
3		CLO+CTK3	7:25	18+3	0+0		13+9	0+0	
4		RP1	7:25	19	0		19	0	puma
5		TD3+CLO+TD3	9:25	9+13+0	0+0+0		0+2+19	0+0+0	chuyen 2 Td3-Clo
6		TD5+RC6	9:25	20+2	0+0		19+3	0+0	
7		GTCl+BK20+MRM	9:25	0+0+18	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 1 GTCl-BK20
8		Thor	9:25	19	0		19	0	puma
9		RP3	11:25	22	0		22	0	
10		RP3+VSP02	11:25	5+17	0+0		4+18	0+0	
11		RC6+VSP02+P11	11:25	5+16+0	0+0+0		3+13+6	0+0+0	
12		RP1+RCDM+RC4	13:25	16+2+4	0+0+0		4+9+9	0+0+0	
13		P7+P11+MRM	13:25	11+0+8	0+0+0		3+3+16	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/ Đi về trong ngày RC4-5ng, RCdm-5ng,

2/1 nguoi DVL-TD3 về đi MRM

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/06/2025	TO: RCDM - RC4 - RC5	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: ĐỨC - THÔNG - TDUNG	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VU VIỆT THANH	RCDM				1	20	72	D-HANH	Vietnamese
2	TRẦN VU PHƯƠNG THAO	RCDM						54	VRJ	Vietnamese
3	TRẦN ĐẮC BÌNH	RCDM						101	NRDM	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC TU	RCDM	69	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
5	KRAMARENKO V.V.	RCDM	70	1	3			67	KH-THAC	Russian
6	NGUYỄN CÔNG TRÌNH	RCDM						74	KH-THAC	Vietnamese
7	HUYNH MINH TRI	RCDM	68	1	8			49	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRUNG TIN	RCDM	71	1	11			86	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ HỒNG ĐẠI	RC4	85	1	4	5	70	75	D-HANH	Vietnamese
10	LÊ CHI BAO	RC4	89	1	9			78	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUANG DŨNG	RC4	88	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
12	CHU MINH HUNG	RC4	87	1	3			89	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN THI HANG	RC4	86	1	3			62	NIPI	Vietnamese
14	PHẦN NGOC QUYET	RC4	82-83	2	6			69	NIPI	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG	RC4	84	1	4			65	NAM TIEN	Vietnamese
16	CAO THANH HỢP	RC5	29	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HÂN	RC5	33-34	2	14			78	KH-THAC	Vietnamese
18	LƯƠNG TUÂN ANH	RC5	30	1	12			80	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN KIM THẠCH	RC5	31-32	2	7			66	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC TÙNG	RC5	37-38	2	10			73	CODIEN	Vietnamese
21	LÊ TRỌNG TUYẾN	RC5	36	1	9	2	20	61	CODIEN	Vietnamese
22	TÔ CÔNG TANH	RC5	35	1	4			64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

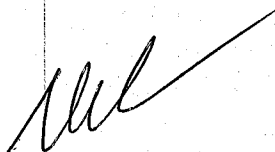
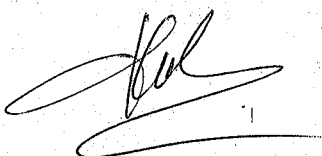
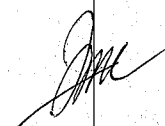
No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		RCDM	8	575	4	26	1	20	2			
2		RC4	7	510	8	35	5	70	8			
3		RC5	7	488	10	60	2	20	12			
		TOTAL	22	1.573	22	121	8	110	22			
		WEIGHT KG		1.573		121		110				

GRAND TOAL: 1.804 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/06/2025	TO: TD3 - TD1	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: KHOÀN - NPHÚ - HUY	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN HAI	TD3	81	1	7			80	KHOÀN	Vietnamese
2	OLEINIK IVAN	TD3	82	1	5			74	KHOÀN	Russian
3	HOANG PHẠM NGỌC VŨ	TD3	84	1	3			100	KHOÀN	Vietnamese
4	CHU VĂN THĂNG	TD3	87	1	11			70	KHOÀN	Vietnamese
5	PHẠM HUNG DƯƠNG	TD3	83	1	5			100	KHOÀN	Vietnamese
6	TRẦN MẠNH HÙNG	TD3	85-86	2	19			73	KHOÀN	Vietnamese
7	NGUYỄN TIẾN DŨNG	TD1	50	1	3			67	KHOÀN	Vietnamese
8	PHẠM TIẾN NINH	TD1	856	1	7			71	KHOÀN	Vietnamese
9	ĐOÀN TUẤN TÚ	TD1	96-97	2	11			73	KHOÀN	Vietnamese
10	VŨ ĐÌNH PHONG	TD1	94	1	5			68	KHOÀN	Vietnamese
11	NGUYỄN THIÊN TUẤN	TD1	47	1	3			68	KHOÀN	Vietnamese
12	LẠI ĐỨC LÂM	TD1	95	1	7			70	KHOÀN	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN PHÚ	TD1	847-848	2	6			80	KHOÀN	Vietnamese
14	PHẠM XUÂN HUY	TD1	700	1	4			66	KHOÀN	Vietnamese
15	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	TD1	48	1	4			79	KHOÀN	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT CHƯƠNG	TD1	500	1	4			63	KHOÀN	Vietnamese
17	NGUYỄN PHI HÙNG	TD1	92	1	11			87	KHOÀN	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH NAM	TD1	98-99	2	5			78	KHOÀN	Vietnamese
19	VŨ QUY VINH	TD1	800	1	6			76	KHOÀN	Vietnamese
20	LÊ VIỆT THANH	TD1	49	1	5			76	KHOÀN	Vietnamese
21	NGUYỄN VIỆT TÙNG	TD1	849	1	12			64	KHOÀN	Vietnamese
22	ĐẠU ĐỨC HÙNG	TD1	93	1	4	6	85	74	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

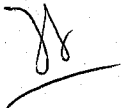
No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD3	6	497	7	50	0	0	2+1		CHUYEN 01 PAX TD3-TD1
2	TD1	16	1.160	19	97	6	85	20		
TOTAL		22	1.657	26	147	6	85	22		
WEIGHT KG			1.657		147		85			

GRAND TOAL: 1.889 KGS

VSP REP.



VNH REP.



N.T. Mỹ Hằng

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/06/2025	TO: CLO - CTK3	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: NAM - QVIỆT - HIẾU	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VÕ SĨ HOÀI THANH	CLO	60-61	2	11	1	13	61	KHOAN	Vietnamese
2	PHẠM VĂN HÙNG	CLO	62-63	2	9			66	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN HOÀNG TRƯỜNG	CLO	59	1	5			73	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN ĐOÀN SƯU	CLO	55	1	7			62	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM ĐÌNH THỤ	CLO	54	1	8			72	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ TRUNG HIẾU	CLO	58,1000	2	13			88	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ MINH HIỆP	CLO	64	1	12			73	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN THANH	CLO	52	1	4			66	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ NGỌC HOÀN	CLO	65	1	11			72	KHOAN	Vietnamese
10	TRƯƠNG ĐỨC THĂNG	CLO	41	1	9			60	KHOAN	Vietnamese
11	HOÀNG VĂN QUYÊN	CLO	46-47	2	17			65	YTE	Vietnamese
12	LÊ HUY TUYẾN	CLO	53	1	8			55	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN ĐĂNG KHOA	CLO	51	1	5			75	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN TRƯỞNG SƠN	CLO	48-49	2	9			62	KHOAN	Vietnamese
15	TÔ ANH TUẤN	CLO	50	1	11			73	KHOAN	Vietnamese
16	LƯƠNG NGỌC KHƯƠNG	CLO	56-57	2	8			80	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ VĂN QUÂN	CLO	44-45	2	18			70	KHOAN	Vietnamese
18	HÀ KHƯƠNG DUY	CLO	42-43	2	18			66	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN ĐOÀN TUẤN MINH	CTK3	21	1	8	2	35	84	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ THANH HÀ	CTK3	22	1	9			75	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	CTK3	19-20	2	16			58	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
22	NGUYỄN HOÀNG HAI NAM	CTK3	17	1	4	1	21	63	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
23	NGUYỄN MAI SƠN (ghe tay)	CTK3	23-24	2	9			70	SAN BAY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

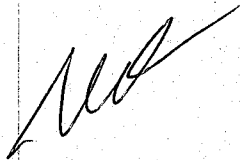
No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CLO	18	1.239	26	183	1	13	13		
2	CTK3	5	350	7	46	3	56	9		
TOTAL		23	1.589	33	229	4	69	22		
WEIGHT KG			1.589		229		69			

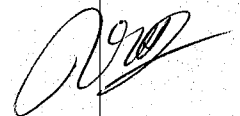
GRAND TOAL: 1.887 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN







FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/06/2025	TO: RP1	AIRCRAFT: 614	ETD: 07:45
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: CÔNG - TRÌNH	ETA: 09:35
TRANG - 1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN VĂN TÙNG	RP1	52	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN TUẤN ANH	RP1	61	1	9			68	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH HÙNG	RP1	56-57	2	12			68	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN DUY NGỌC	RP1	67-68	2	13			73	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐOÀN VĂN THIÊM	RP1	49-50	2	8			60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN NĂNG	RP1	53	1	8			80	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG VŨ NHẬT VINH	RP1	66	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN MẠNH HÙNG	RP1	71-72	2	23			77	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ VĂN QUANG	RP1	73-76	4	25			73	XAYLAP	Vietnamese
10	BUI QUANG HOAN	RP1	54-55	2	16			95	YTE	Vietnamese
11	PHẠM VĂN HÙNG	RP1	63	1	7			69	PSV	Vietnamese
12	TRẦN HOÀNG SANG	RP1	58	1	14			94	KH-THAC	Vietnamese
13	VÕ VĂN ĐÔNG	RP1	60	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN Y	RP1	62	1	8			72	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐỖ VĂN THÀNH	RP1	69	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM XUÂN THÀNH	RP1	70	1	9			70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN BẢO TRUNG	RP1	51	1	3			67	KH-THAC	Vietnamese
18	TẠNG THANH DÂN	RP1	59	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ THĂNG	RP1	64-65	2	14			92	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP1	19	1.401	28	198	0	0	19		
TOTAL		19	1.401	28	198	0	0	19		
WEIGHT KG			1.401		198		0			

GRAND TOAL: 1.599 KGS

VSP REP.

VNH REP.

N.T.K. THU

CAPTAIN

T. R. Paul



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/06/2025	TO: TD3 - CLO - TD3.	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: NAM - QVIỆT - HIẾU	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN VĂN ANH	TD3	99	1	4			85	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN HÙNG	TD3	19	1	7			78	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN HÙNG	TD3	02	1	5			82	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM DƯƠNG HAI	TD3	98	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN KHANH	TD3	900,01	2	20			53	XAYLAP	Vietnamese
6	QUÁCH ĐẶC THẬN	TD3	03	1	4			82	PSV	Vietnamese
7	ĐO XUAN CHINH	TD3	97	1	9			68	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN HẠNH	TD3	05	1	7			71	PSV	Vietnamese
9	DƯƠNG QUỐC VIỆT	CLO	37	1	8			63	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM VĂN THAI	CLO	88-89	2	19			82	SCHLUMBE	Vietnamese
11	VÕ TÂN HOA	CLO	31-32	2	20			73	SCHLUMBE	Vietnamese
12	THANAPHAT PHANSINCHOTIPAKIN	CLO	25-26	2	20			79	SCHLUMBE	Thailand
13	TRẦN THANH TUÂN	CLO	35	1	7	1	18	78	BAKER HUC	Vietnamese
14	PHẠM DINH TIEN	CLO	29-30	2	17			62	BAKER HUC	Vietnamese
15	ĐOÀN XUÂN CƯỜNG	CLO	28	1	15			68	CODIEN	Vietnamese
16	LÊ ANH TUÂN	CLO	23-24	2	12			70	CODIEN	Vietnamese
17	TRẦN PHÚ	CLO	34	1	12	3	23	70	CODIEN	Vietnamese
18	TRẦN VĂN TRANG	CLO	33	1	9			64	CODIEN	Vietnamese
19	PHẠM THẾ VIỆT	CLO	27	1	11			71	CODIEN	Vietnamese
20	TRƯƠNG MINH KHANH	CLO	38	1	13			73	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HIẾU	CLO	39	1	14			90	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD3	8	584	9	61	0	0	0		
2	CLO	13	943	18	177	4	41	2+	2	CHUYEN 2 PAX CLO-TD3
3	TD3.	0	0	0	0	0	0	19		
TOTAL		21	1.527	27	238	4	41	21		
WEIGHT KG			1.527		238		41			

GRAND TOAL: 1.806 KGS

VSP REP.

N.T. Kha

VNH REP.

W. Thi Thu Hong

CAPTAIN

[Signature]

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/06/2025	TO: TD5 - RC6	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: KHOÀN - NPHÚ - HUY	ETA: 11:45
Cam 2			

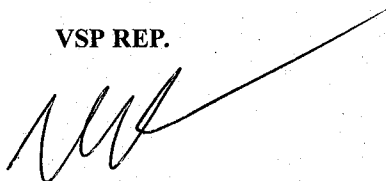
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VU MẠNH THĂNG	TD5	69	1	3			78	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH HUYNH	TD5	76	1	4			89	KHOAN	Vietnamese
3	ASKAROV DENIS	TD5	72	1	7			82	KHOAN	Russian
4	NGUYỄN TÂN TÀI	TD5	77	1	6	2	45	70	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH TUYẾN	TD5	70	1	9			82	KHOAN	Vietnamese
6	LY ANH TUÂN	TD5	79	1	7			89	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN HÒA	TD5	60	1	6			85	KHOAN	Vietnamese
8	NGÔ VĂN HUY	TD5	61	1	7			71	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN THANH	TD5	78	1	9			68	KHOAN	Vietnamese
10	HUYNH MINH SANG	TD5	71	1	6			82	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU LỘC	TD5	64	1	9			77	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN HUY DŨNG	TD5	65-66	2	7			84	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC CUƠNG	TD5	74	1	9			66	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	TD5	67	1	9			79	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TIẾN	TD5	62-63	2	11			90	KHOAN	Vietnamese
16	CHU TIẾN BÌNH	TD5	08-10	3	9			63	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ THANH TÚ	TD5	80-81	2	19			82	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN TẤT TÂM	TD5	75	1	5			53	PSV	Vietnamese
19	ĐÌNH VĂN HOÀI	TD5	68	1	4			60	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HANH	TD5	73	1	4			62	PSV	Vietnamese
21	VU QUANG TUYẾN	RC6	14	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI QUỐC VIỆT	RC6				3	40	74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

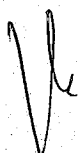
No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		TD5	20	1.512	25	150	2	45	19			
2		RC6	2	144	1	7	3	40	3			
TOTAL			22	1.656	26	157	5	85	22			
WEIGHT KG				1.656		157		85				

GRAND TOAL: 1.898 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/06/2025	TO: GTC1 - BK20 - MRM	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: ĐỨC - THÔNG - TDUNG	ETA: 11:50
VANG - 2			

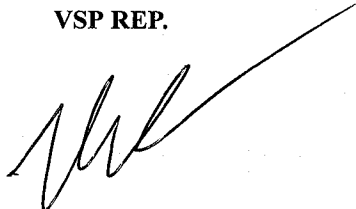
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	GILAEV AZAT	MRM	58	1	12			105	AMNGR	Russian
2	MERKULOV NIKITA	MRM	51	1	13			102	AMNGR	Russian
3	LOGANOV VITALII	MRM	57	1	6			96	AMNGR	Russian
4	PIKULSKII TIMUR	MRM	45-46	2	13			128	AMNGR	Russian
5	BOGOMOLOV DANIIL	MRM	48-49	2	16			90	AMNGR	Russian
6	EGOROV MAKSIM	MRM	59-60	2	14			65	AMNGR	Russian
7	ĐO TIEN DUNG	MRM	52	1	8			59	D-HANH	Vietnamese
8	VLASOV A.V	MRM	41	1	13			92	KHOAN	Russian
9	ĐẶNG VĂN CHUNG	MRM	42,53	2	32			77	DVL	Vietnamese
10	NGUYEN VAN TIEN	MRM	63-64	2	16	1	7	65	DMC-MI	Vietnamese
11	DMITRII KONDRATOV	MRM	43-44	2	22			118	HALLIBUR	Russian
12	NGUYEN VAN SAU	MRM	54-55	2	18			79	AMNGR	Vietnamese
13	PHAM THANH HA	MRM	61	1	6	1	8	64	AMNGR	Vietnamese
14	THAI HUU MINH	MRM	62	1	9			107	AMNGR	Vietnamese
15	DUBOGRAEV MIKHAIL	MRM	47	1	17			85	AMNGR	Russian
16	ISAKOV ALEKSEI	MRM	50	1	13			112	AMNGR	Russian
17	NIKULIN ALEXANDER	MRM	56	1	15			84	AMNGR	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	GTC1	0	0	0	0	0	0	0	1	CHUYEN 1 PAX GTC1-BK20
2	BK20	0	0	0	0	3	39	0		
3	MRM	17	1.528	24	243	2	15	22		
TOTAL		17	1.528	24	243	5	54	22		
WEIGHT KG			1.528		243		54			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/06/2025	TO: THOR	AIRCRAFT: 614	ETD: 10:05
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: CÔNG - TRÌNH	ETA: 11:55
TRANG - 2			

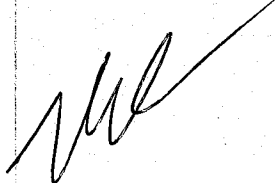
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ARUN SHARMA	THOR	32-33	2	16			85	BORR DRIL	Indian
2	NGUYEN VAN TIEN	THOR	31	1	8			67	D-HANH	Vietnamese
3	TONG VAN THE	THOR	61	1	11			80	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN DUY MINH	THOR	53-54	2	18			100	KHOAN	Vietnamese
5	HO XUAN TUYEN	THOR						70	KHOAN	Vietnamese
6	RAYMOND KELIN	THOR	56-57	2	24			93	BORR DRIL	Malaysian
7	VU DUC CANH	THOR	28	1	11			73	BORR DRIL	Vietnamese
8	PHAN HUY THANG	THOR	55	1	11			67	PSV	Vietnamese
9	TRAN NGOC THUY	THOR	75	1	5			75	PSV	Vietnamese
10	DAM TUAN CUONG	THOR	76	1	4			62	PSV	Vietnamese
11	DUONG HOANG THAI	THOR	74	1	5			65	PVD OFFSH	Vietnamese
12	NGUYEN PHI HUNG	THOR	73	1	10			80	PVD OFFSH	Vietnamese
13	NGUYEN VAN DUC	THOR	60	1	10			71	PVD OFFSH	Vietnamese
14	LE VAN NGUYEN	THOR	49	1	5			72	PVD OFFSH	Vietnamese
15	TU DUONG ANH	THOR	51-52	2	11			75	PVD OFFSH	Vietnamese
16	TRAN XUAN CUONG	THOR	58	1	10			70	PVD OFFSH	Vietnamese
17	DINH EM	THOR	59	1	5			67	PVD OFFSH	Vietnamese
18	NGUYEN TAN VINH	THOR	29-30	2	14			58	PVD OFFSH	Vietnamese
19	TRAN THAI AN	THOR	50	1	15			72	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

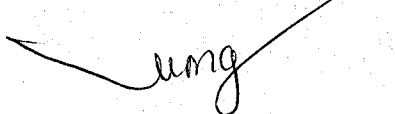
No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	THOR	19	1.402	23	193	0	0	19		
TOTAL		19	1.402	23	193	0	0	19		
WEIGHT KG			1.402		193		0			

GRAND TOAL: 1.595 KGS

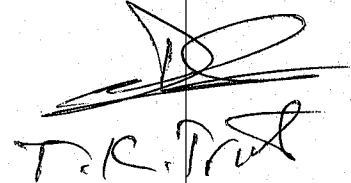
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/06/2025	TO: RP3	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: LINH - N.CƯỜNG - THỤ	ETA: 14:00
TIM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN HOAI THANH	RP3	93	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ QUANG TỎ	RP3	86	1	4			61	KH-THAC	Vietnamese
3	VÕ TÂN CHÂU	RP3	94	1	7			82	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUANG CHUÔNG	RP3	96	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
5	HÀ VĂN NIN	RP3	01-02	2	9			71	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN CÔNG SOAI	RP3	88	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM MINH TOÀN	RP3	04-05	2	12			56	YTE	Vietnamese
8	VÕ QUỐC THÔNG	RP3	11	1	12			83	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM QUỐC CHÈ	RP3	83-84	2	7			59	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG CÔNG THỊNH	RP3	98-99	2	14			78	KH-THAC	Vietnamese
11	HUYNH TÂN NGON	RP3	97	1	3	5	60	77	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ QUANG HÙNG	RP3	03	1	10			75	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG TRUNG HIỆU	RP3	09-10	2	10			74	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VIỆT HÙNG	RP3	95	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐOÀN MẠNH QUANG	RP3	300	1	8			80	KH-THAC	Vietnamese
16	CAO ĐỨC THANH	RP3	87	1	8			79	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM DUY NHIÊN	RP3	85	1	4			76	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN VĂN TIỀN	RP3	08	1	2			75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU MẬU	RP3	90	1	8			64	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	RP3	91-92	2	9			76	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐINH QUANG THÀNH	RP3	06-07	2	13			74	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH BÌNH	RP3	89	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		RP3	22	1.578	29	167	5	60	22			
		TOTAL	22	1.578	29	167	5	60	22			
		WEIGHT KG		1.578		167		60				

GRAND TOAL: 1.805 KGS

VSP REP.

VNH REP.

N. D. Anh

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/06/2025	TO: RP3 - VSP02	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:15
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - M.ĐỨC -	ETA: 14:05
NAU-3		THÀNH	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VÔ THANH LAM	RP3	87	1	7			63	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN THANH TUNG	RP3	86	1	7			58	KH-THAC	Vietnamese
3	LUÔNG MINH KHUÊ	RP3	91-92	2	18			60	NIPI	Vietnamese
4	CAO KINH THAO	RP3	88	1	13	2	19	71	T-TIN	Vietnamese
5	TRẦN HỮU VIỆT	RP3	85	1	3			70	PSV	Vietnamese
6	DUCHENKO A.L.	VSP02	39	1	6	2	30	135	KH-THAC	Russian
7	SERGIENKO S	VSP02	37	1	9			82	KH-THAC	Russian
8	DƯƠNG TRUNG VIỆT	VSP02	52	1	3			78	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG NGỌC CUÔNG	VSP02	23	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN CONG LAM	VSP02	32,57	2	9			70	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN VIỆT QUANG	VSP02	49	1	10			70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN XUÂN KINH	VSP02	34	1	6			59	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN XUÂN GIANG	VSP02	38	1	11			74	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN LÊ HỘI	VSP02						70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN DỰ	VSP02	35-36	2	20			75	YTE	Vietnamese
16	ĐỖ QUỐC TRINH	VSP02	40	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM DUY QUANG	VSP02						69	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN QUYẾT	VSP02	50	1	5			52	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	VSP02	33	1	4			79	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC QUANG	VSP02	54	1	4			57	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VIỆT NGỌC	VSP02	55-56	2	9			60	KH-THAC	Vietnamese
22	TÔ VĂN HÙNG	VSP02	51	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
				PCS	W	PCS	W				
1	RP3	5	322	6	48	2	19	4			
2	VSP02	17	1.230	18	114	2	30	18			
TOTAL		22	1.552	24	162	4	49	22			
WEIGHT KG			1.552		162		49				

GRAND TOAL: 1.763 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/06/2025	TO: RC6 - VSP02 - P11	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:20
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: ĐỨC - PHÚ - TDUNG	ETA: 14:10
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN ĐỨC NHÂN	RC6	23	1	12			77	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN LẠ	RC6						65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN QUỐC THUẬN	RC6	24	1	11			66	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN VĂN HẠNH	RC6	25	1	11			80	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VIỆT HA	RC6	26	1	8			76	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH DƯƠNG	VSP02						70	KH-THAC	Vietnamese
7	VÕ TÂN LINH	VSP02	25-26	2	12			60	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM HỮU TRI	VSP02						74	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN HỮU KHÁNH	VSP02	31	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese
10	LŨ SƠN	VSP02	30	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
11	HUYNH ANH BAO	VSP02	24	1	9			80	KH-THAC	Vietnamese
12	LƯƠNG HOANG ĐẠT	VSP02	23	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI NGUYEN QUANG	VSP02	93	1	4			77	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM VĂN PHƯƠNG	VSP02	94-95	2	15			88	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI HUY BÌNH	VSP02	29	1	3			77	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TUẤN DƯƠNG	VSP02	80	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ THAI SƠN	VSP02	28	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
18	HÀ MẠNH THĂNG	VSP02	22	1	5			55	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐO TRUNG DUNG	VSP02	81	1	6			58	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM TRỌNG TUÂN	VSP02	32	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI XUÂN TIỀN	VSP02	27	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		RC6	5	364	4	42	0	0	3			
2		VSP02	16	1.117	16	93	0	0	13			
3		P11	0	0	0	0	2	25	6			
TOTAL			21	1.481	20	135	2	25	22			
WEIGHT KG				1.481		135		25				

GRAND TOAL: 1.641 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/06/2025	TO: RP1 - RCDM - RC4	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:30
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: LINH - N.CƯỜNG - THỤ	ETA: 16:20
XANH-4			

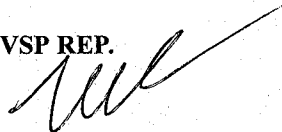
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP1	41	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH THAM	RP1	42	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN LỢI	RP1	38	1	13			62	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẦN TRỌNG HIẾU	RP1	40	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC HUY	RP1	46-47	2	12			85	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ NGỌC ANH	RP1	33-34	2	12			73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN CHÍ CÔNG	RP1	79	1	10			72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN LÊ MINH QUANG	RP1	48	1	12			68	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ QUANG HÙNG	RP1	80-81	2	12			74	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN DUY TIỀN	RP1	35	1	11			70	XAYLAP	Vietnamese
11	TÔNG VĂN ĐỨC	RP1	36-37	2	15			73	XAYLAP	Vietnamese
12	HOÀNG THANH SƠN	RP1	31	1	12	2	38	68	XAYLAP	Vietnamese
13	DƯƠNG ĐĂNG CƯỜNG	RP1	32	1	18			74	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐỖ QUANG MINH	RP1	43	1	4			68	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN SANG	RP1	44-45	2	14	1	2	68	DUY LINH	Vietnamese
16	NGUYỄN TÂN VƯƠNG	RP1	77-78	2	17			72	DUY LINH	Vietnamese
17	TU TUÂN TU	RCDM	74	1	5			90	KH-THAC	Vietnamese
18	HỒ TRỌNG BẢNG	RCDM	73	1	7			74	PSV	Vietnamese
19	VÔ THANH TU	RC4	97	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH SƠN	RC4	98-99	2	10			72	KH-THAC	Vietnamese
21	VÔ HUY HOANG	RC4	96	1	10			85	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN CAO MONG	RC4	95	1	6			58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

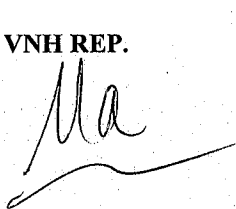
No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		RP1	16	1.141	22	174	3	40	4			
2		RCDM	2	164	2	12	0	0	9			
3		RC4	4	287	5	32	0	0	9			
TOTAL			22	1.592	29	218	3	40	22			
WEIGHT KG				1.592		218		40				

GRAND TOAL: 1.850 KGS

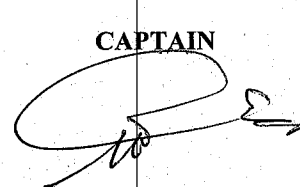
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/06/2025	TO: P7 - P11 - MRM	AIRCRAFT: 410	ETD: 14:35
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - M.ĐỨC -	ETA: 16:25
CAM-4		THÀNH	

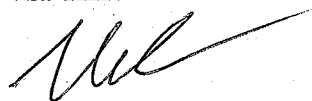
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN BÁ LINH	P7	66	1	14	2	29	64	KH-THAC	Vietnamese
2	DUƠNG HOANG SƠN	P7	52	1	4	2	20	66	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN BA SƠN	P7	62-63	2	22			66	XAYLAP	Vietnamese
4	PHẠM THANH TRUNG	P7	56-57	2	20			65	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ HOAI NGUYỄN	P7	58-59	2	20			77	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN VĂN PHƯƠNG	P7	64-65	2	22			66	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN VĂN VINH	P7	48-49	2	19			72	XAYLAP	Vietnamese
8	HOÀNG VĂN THANH	P7	50-51	2	17			64	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐẶNG QUANG THỜI	P7	46-47	2	22			63	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN SỸ ANH TU	P7	60	1	10	1	17	70	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN HỌC	P7	55	1	20			60	XAYLAP	Vietnamese
12	KONANOV IVAN	MRM	71	1	10			66	AMNGR	Russian
13	PETEL SERGEI	MRM	69	1	14			87	AMNGR	Russian
14	PIMAKIN OLEG	MRM	67	1	12			111	AMNGR	Russian
15	SHCHETININ IVAN	MRM	73	1	8			78	AMNGR	Russian
16	KARNIUKHIN VITALII	MRM	70	1	17			67	AMNGR	Russian
17	MAKAROV OLEG	MRM	72	1	8			106	AMNGR	Russian
18	TRẦN VIỆT HO	MRM	74	1	16			76	DVL	Vietnamese
19	DANG DUY NGAI	MRM	68	1	9			58	AMNGR	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P7	11	733	18	190	5	66	3		
2	P11	0	0	0	0	2	40	2		
3	MRM	8	649	8	94	0	0	16		
TOTAL		19	1.382	26	284	7	106	21		
WEIGHT KG			1.382		284		106			

GRAND TOAL: 1.772 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

